

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1.1 *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.2 *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thúy K, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.3 *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1.3.1. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)

1.3.2. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1945 (vắng mặt)

1.3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 (vắng mặt)

1.3.4. Anh Huỳnh Văn H1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1.3.5. Bà Phùng Thị H2, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 18/8/2018 cũng như tại phiên tòa chị anh Huỳnh Văn H trình bày:*

Anh H và chị K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/02/2011. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn do chị K không chăm sóc anh H khi anh H bị bệnh và chị K không tôn trọng cha mẹ anh H. Do đó, vợ chồng anh H đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Xét thấy vợ chồng anh H không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh H yêu cầu ly hôn với chị K.

Con chung tên Huỳnh Gia H3, sinh ngày 28/6/2012. Hiện nay, cháu H3 do chị K nuôi dạy. Khi ly hôn con chung theo ai người đó nuôi dạy, nếu con chung theo chị K thì anh H thống nhất giao con chung cho chị K nuôi dạy. Anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Thời gian chung sống, vợ chồng anh H có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trị giá 150.000.000 đồng. Căn nhà được xây dựng trên phần đất do anh ruột là Huỳnh Văn H1 cho riêng anh H, đất và nhà tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Đất hiện do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nhà do chị K quản lý; Phần đất diện tích 229,1m² thửa số 74 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau do anh H và chị K đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất theo anh H có trị giá 100.000.000 đồng. Anh H yêu cầu chia đôi căn nhà và phần đất diện tích 229,1m² đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đối với phần đất diện tích 09 công tầm lớn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau là do cha mẹ ruột anh H là Huỳnh Văn M và Nguyễn Thị H cho riêng anh H và do anh H đứng tên quyền sử dụng đất nên anh H yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng.

Nợ chung: Thời gian chung sống, vợ chồng anh H và chị K có nợ anh ruột là Huỳnh Văn T 25.000.000 đồng và nợ cha ruột là ông Huỳnh Văn M 30.000.000 đồng

lúc vợ chồng anh H xây dựng căn nhà cấp 4. Khoản nợ chung anh H yêu cầu chia đôi. Ngoài ra, anh H không còn nợ ai khác.

**Tại bản tự khai ngày 17/9/2018, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thúy K trình bày:*

Chị K thống nhất với phần trình bày của anh H về các mối quan hệ như: Hôn nhân và con chung.

Thời gian chung sống vợ chồng thường cự cãi nên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân giữa chị K và anh H không còn hạnh phúc. Do đó, chị K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh H. Con chung chị K yêu cầu tiếp tục nuôi dạy và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị K xác định: Ngoài tài sản chung do anh H trình bày thì vợ chồng chị K còn phần đất do cha mẹ chồng cho diện tích 09 công tằm lớn do anh H đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đối với tài sản chung, chị K yêu cầu tiếp tục quản lý căn nhà, tài sản còn lại chị K không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ông M 30.000.000 đồng; nợ anh T 25.000.000 đồng, nợ bà H2 320.000.000 đồng. Nợ chung chị K yêu cầu chia đôi. Đối với khoản nợ ngân hàng Sacombank chị K đã thanh toán xong nên không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 20/11/2018 cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Vợ chồng Huỳnh Văn H và Nguyễn Thúy K có nợ của anh số tiền 25.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh vợ chồng H và K khó khăn nên anh T không yêu cầu thanh toán mà để các bên tự thỏa thuận, sau này nếu có yêu cầu anh T sẽ khởi kiện sau.

**Tại biên bản hòa giải ngày 20/11/2018 ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Đối với tài sản có liên quan đến vụ án giữa hai con Huỳnh Văn H và Nguyễn Thúy K, ông bà không có ý kiến yêu cầu vì giữa ông bà cùng các con đã tự thỏa thuận xong.

**Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Phùng Thị H2 trình bày:*

Bà H2 là mẹ ruột của Nguyễn Thúy K. Khi hai con Nguyễn Thúy K và Huỳnh Văn H xây dựng căn nhà tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau bà có cho hai con mượn 320.000.000 đồng. Do là con trong gia đình nên khi cho mượn bà và hai con không có làm biên nhận. Nay hai con ly hôn bà không yêu cầu hai con H và K phải thanh toán mà để hai bên tự thỏa thuận, sau này phát sinh tranh chấp bà sẽ yêu cầu.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện anh H và chị K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H yêu cầu ly hôn với chị K và chị K cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh H. Do đó, áp dụng Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình xử lý công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị K. Con chung tên Huỳnh Gia H3 hiện chị K nuôi dạy nên cần tiếp tục giao chị K nuôi dạy là phù hợp. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng con theo quy định pháp luật; tài sản chung do không có đo đạc, định giá theo quy định nên không có cơ sở xem xét, do đó đề nghị đình chỉ đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng; nợ chung do không ai yêu cầu nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Huỳnh Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thúy K. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị K có địa chỉ tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, do các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông M, bà H, và anh H1 nhưng ông M, bà H và anh H1 vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M, bà H và anh H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thúy K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/02/2011. Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh H cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không H2 phúc nên anh H yêu cầu ly hôn với chị K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh H và chị K không đạt được nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả và chị K cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thúy K là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh H và chị K có con chung tên Huỳnh Gia H3, sinh ngày 28/6/2012 (giới tính nam). Xét thấy, cháu H3 do chị K nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con chung sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu H3. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 01/7/2019 cháu H3 có ý kiến được sống cùng chị K và anh H cũng thống nhất theo sự lựa chọn của cháu H3. Do đó, cần tiếp tục giao cháu H3 cho chị K tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị K yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị K là có cơ sở. Bởi vì, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hơn nữa, trong quá trình giải

quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó, cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H3 theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H3 tròn 18 tuổi. Anh H không trực tiếp nuôi dạy cháu H3 nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Theo anh H xác định thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm căn nhà cơ bản trị giá 150.000.000 đồng và phần đất diện tích 229,1m² đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau trị giá 100.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi tài sản này; còn lại phần đất mà vợ chồng đang xây dựng nhà chung là đất của anh Huỳnh Văn H1 cho riêng anh H và phần đất diện tích 09 công tằm lớn, đất tọa lạc tại xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là do cha mẹ tên Huỳnh Văn M và Nguyễn Thị H cho riêng anh H và do anh H đứng tên quyền sử dụng đất nên anh H không thống nhất phân chia. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị K xác định phần đất 09 công tằm lớn tọa lạc tại xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là tài sản chung vợ chồng. Tại biên bản Hòa giải, chị K yêu cầu anh H giao chị K số tiền 450.000.000 đồng chị K sẽ giao lại toàn bộ tài sản chung cho anh H quản lý sử dụng nhưng tại phiên tòa chị K yêu cầu anh H giao chị K căn nhà để chị K quản lý sử dụng ở nuôi con, tài sản còn lại chị K không yêu cầu phân chia. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị K trình bày không thống nhất với nhau về tài sản chung và cũng không tự thỏa thuận được với nhau về giá trị tài sản chung có được trong thời kỳ hôn nhân. Anh H và chị K có yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng anh chị không làm thủ tục theo quy định để đo đạc, định giá phần đất và tài sản tranh chấp. Đồng thời, ông M, bà H và anh H1 là người có liên quan đến tài sản chung của vợ chồng anh H, chị K nhưng Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông M, bà H và anh H1 vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết đối với tài sản chung của anh H và chị K theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về nợ chung: Anh H xác định thời gian chung sống, vợ chồng có mượn của ông Huỳnh Văn M số tiền 30.000.000 đồng để sử dụng vào việc xây dựng nhà, nợ anh T

25.000.000 đồng. Chị K xác định ngoài khoản nợ ông M và anh T thì khi vợ chồng chị K xây dựng nhà còn nợ bà H2 320.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H không thừa nhận có nợ bà H2 như lời trình bày của chị K và bà H2 nhưng tại bên bản hòa giải ngày 06/3/2019 anh H thừa nhận khi vợ chồng anh H xây dựng nhà vợ chồng anh H có nhận của bà H2 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k. Đồng thời, cũng tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2019 anh H trình bày bổ sung là do lâu quá nên anh H không nhớ. Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2019 bà H2 có yêu cầu vợ chồng anh H và chị K thanh toán khoản nợ 320.000.000 đồng. Vào ngày 19/4/2019 Tòa án có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho bà H2 nhưng bà H2 không nộp tiền theo thông báo. Tại phiên tòa, bà H2 và anh T không yêu cầu anh H và chị K phải thanh toán khoản nợ tại vụ án mà để các bên tự thỏa thuận, sau này nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện tại vụ án khác. Đối với số tiền vợ chồng anh H và chị K thừa nhận có nợ ông M là 30.000.000 đồng nhưng ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án là có cơ sở. Sau này có yêu cầu sẽ xem xét tại vụ án khác.

Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank với số tiền 90.000.000 đồng, chị K xác định do chị K vay và chị K đã thanh toán xong nên không yêu cầu xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn H phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thúy K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Gia H3, sinh ngày 28/6/2012 (giới tính nam) cho chị Nguyễn Thúy K tiếp tục nuôi dạy. Anh Huỳnh Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu H3 tròn 18 tuổi. Anh H không trực tiếp nuôi dạy cháu H3 nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của anh Huỳnh Văn H về việc yêu cầu phân chia tài sản chung giữa anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thúy K.

4. Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thúy K thừa nhận có nợ ông Huỳnh Văn M số tiền 30.000.000 đồng, nợ anh Huỳnh Văn T số tiền 25.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thúy K thừa nhận vợ chồng có nợ bà Phùng Thị H2 số tiền 320.000.000 đồng nhưng ông M, bà H2 và anh T không có yêu cầu nên không xét tại vụ án, sau này có yêu cầu sẽ xem xét trong vụ án khác.

5. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn H phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 20 tháng 8 năm 2018 anh H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005672 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự chia tài sản chung: Anh Huỳnh Văn H được nhận lại số tiền 3.922.000 đ (*Ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0005673 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Án phí cấp dưỡng: Anh Huỳnh Văn H phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông M, bà H, anh H1 vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa